

KHUNG NĂNG LỰC TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM VÀ HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM, HƯỚNG NGHIỆP CỦA GIÁO VIÊN PHỔ THÔNG

Trần Thị Thảo,
Hoàng Thị Mai Lan⁺,
Nguyễn Đỗ Phương Anh

Trường Đại học Thủ đô Hà Nội
+ Tác giả liên hệ • Email: 221000092@daihocthuodo.edu.vn

Article history

Received: 13/8/2024

Accepted: 26/9/2024

Published: 05/11/2024

Keywords

Competencies, organizing experiential activities and experiential activities, career guidance, competency framework, school teachers, 2018 General Education Curriculum

ABSTRACT

Experiential activities (at the elementary school level) and experiential and career guidance activities (at the middle and high school levels) are mandatory educational activities, marking an important new point in the 2018 general education curriculum (GEC). To meet the requirements of the 2018 GEC, teachers need to have the competency to organize experiential activities. Based on the analysis of the Objectives and Targeted Requirements of the 2018 General Education Curriculum for Experiential Activities and Experiential and Career Guidance Activities, as well as the professional competency standards of general school teachers, the study proposes a structural framework for organizational competency in experiential activities and experiential and career activities for high school teachers with four main competency groups. This competency framework is the theoretical basis that contributes extant literature on teachers' competency of organizing experiential activities and experiential and career guidance activities to meet the goals of the 2018 General Education Curriculum.

1. Mở đầu

Hoạt động trải nghiệm (HĐTN) (ở cấp tiểu học) và Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp (HĐTN, HN) (ở cấp THCS và THPT) là những hoạt động giáo dục bắt buộc, được triển khai từ lớp 1 đến lớp 12, đánh dấu một điểm mới quan trọng trong Chương trình giáo dục phổ thông (GDPT) 2018. HĐTN và HĐTN, HN giúp HS phổ thông hình thành những năng lực cần thiết trong cuộc sống và đáp ứng được các yêu cầu cần đạt trong Chương trình GDPT như năng lực số, năng lực tự học, năng lực thích ứng, ... đặc biệt là năng lực cảm xúc - xã hội và năng lực tư duy sáng tạo. Những hoạt động giáo dục này do nhà giáo dục định hướng thiết kế và hướng dẫn thực hiện, tạo cơ hội cho HS tiếp cận thực tế, thể nghiệm cảm xúc tích cực, khai thác những kinh nghiệm đã có và huy động tổng hợp kiến thức, kỹ năng của các môn học khác nhau để thực hiện những nhiệm vụ được giao hoặc giải quyết những vấn đề của thực tiễn đời sống nhà trường, gia đình, xã hội phù hợp với lứa tuổi, thông qua đó chuyển hóa những kinh nghiệm đã trải qua thành tri thức mới, kỹ năng mới góp phần phát huy tiềm năng sáng tạo và khả năng thích ứng với cuộc sống, môi trường và nghề nghiệp tương lai (Bộ GD-ĐT, 2018).

Chapman và cộng sự (1995) cho rằng, người dạy giữ vai trò rất quan trọng trong việc góp phần vào một trải nghiệm thành công, đó chính là vai trò định hướng và tổ chức dạy học để HS tham gia trải nghiệm. Do đó, để đáp ứng yêu cầu của công cuộc đổi mới căn bản và toàn diện nền giáo dục ở nước ta hiện nay, cụ thể là đáp ứng yêu cầu của Chương trình GDPT, GV cần phải có năng lực tổ chức HĐTN. Theo Chương trình GDPT hiện nay, lực lượng chính đảm nhiệm tổ chức HĐTN và HĐTN, HN là GV. Tuy nhiên, phần lớn GV thực hiện nhiệm vụ này là kiêm nhiệm theo sự phân công của nhà trường, chưa được đào tạo chuyên nghiệp về lĩnh vực này. Điều này khiến nhiều GV gặp khó khăn, lúng túng trong thực tiễn triển khai. Vấn đề đặt ra hiện nay là cần có những nghiên cứu về phát triển năng lực tổ chức HĐTN và HĐTN, HN cho GV phổ thông nhằm góp phần thực hiện tốt hơn nhiệm vụ giáo dục theo quy định của Chương trình GDPT (Âu Thanh Ngọc và Hoàng Thanh Thuý, 2024). Do đó, trong nghiên cứu về chủ đề này chúng tôi tập trung giải quyết các vấn đề cụ thể như: (1) Năng lực tổ chức HĐTN và HĐTN, HN là gì? (2) Cấu trúc hoặc khung năng lực này được mô tả như thế nào? (3) Các biểu hiện cụ thể của các thành phần cấu trúc năng lực này là gì? Kết quả nghiên cứu sẽ là tiền đề cho các nghiên cứu tiếp theo được thực hiện nhằm phát triển năng lực tổ chức HĐTN và HĐTN, HN cho GV phổ thông nói chung và hình thành các năng lực cụ thể cho HS thông qua HĐTN và HĐTN, HN nói riêng.

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Một số khái niệm cơ bản

2.1.1. Hoạt động trải nghiệm và hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp

HĐTN là hoạt động dạy học do GV thiết kế, hướng dẫn và hỗ trợ HS thực hiện, nhằm tạo cơ hội cho HS khai thác những kiến thức, kinh nghiệm đã có, thể nghiệm các cảm xúc tích cực; chuyên hóa những kiến thức, kinh nghiệm đã trải qua thành kiến thức mới, kinh nghiệm mới (Hoàng Phi Hải, 2021). Đinh Thị Kim Thoa (2014) đề cập đến HĐTN, HN là hoạt động giáo dục, trong đó, dưới sự hướng dẫn của nhà giáo dục, từng cá nhân HS được tham gia trực tiếp vào các hoạt động khác nhau của đời sống nhà trường cũng như ngoài xã hội với tư cách là chủ thể của hoạt động, qua đó phát triển năng lực thực tiễn, phẩm chất nhân cách và phát huy tiềm năng sáng tạo của cá nhân mình. Nguyễn Thị Liên và cộng sự (2016) cho rằng, HĐTN, HN là hoạt động giáo dục với nội dung và cách thức tổ chức tạo điều kiện cho từng HS được tham gia trực tiếp vào làm chủ thể của hoạt động, tự lên kế hoạch, chủ động xây dựng chiến lược hành động cho bản thân và cho nhóm để hình thành và phát triển những phẩm chất tư tưởng, ý chí, tình cảm, giá trị, kỹ năng sống và những năng lực cần có của công dân trong xã hội hiện đại.

Các nhận định trên cho thấy cách tiếp cận HĐTN và HĐTN, HN đều theo hướng hoạt động giáo dục và phù hợp với cách tiếp cận của HĐTN và HĐTN, HN được quy định trong Chương trình GDPT 2018. Trong đó ghi rõ: “*HĐTN và HĐTN, HN là hoạt động giáo dục do nhà giáo dục định hướng, thiết kế và hướng dẫn thực hiện, tạo cơ hội cho HS tiếp cận thực tế, thể nghiệm các cảm xúc tích cực, khai thác những kinh nghiệm đã có và huy động tổng hợp kiến thức, kỹ năng của các môn học để thực hiện những nhiệm vụ được giao hoặc giải quyết những vấn đề của thực tiễn đời sống nhà trường, gia đình, xã hội, phù hợp với lứa tuổi; qua đó, chuyển hóa những kinh nghiệm đã trải qua thành tri thức mới, hiểu biết mới, kỹ năng mới, góp phần phát huy tiềm năng sáng tạo và khả năng thích ứng với cuộc sống, môi trường và nghề nghiệp tương lai*” (Bộ GD-ĐT, 2018b).

Dựa trên các quan niệm được đề cập, cùng với nội dung HĐTN và HĐTN, HN được quy định trong Chương trình GDPT 2018, nghiên cứu đồng quan điểm: *HĐTN và HĐTN, HN là hoạt động giáo dục do nhà giáo dục định hướng, thiết kế và hướng dẫn thực hiện, tạo cơ hội cho HS tiếp cận thực tế, thể nghiệm cảm xúc tích cực; khai thác những kinh nghiệm đã có và huy động tổng hợp kiến thức, kỹ năng của các môn học để thực hiện những nhiệm vụ được giao hoặc giải quyết những vấn đề của thực tiễn đời sống nhà trường, gia đình, xã hội, phù hợp với lứa tuổi; thông qua đó, chuyển hóa những kinh nghiệm đã trải qua thành tri thức mới, hiểu biết mới, kỹ năng mới góp phần phát huy tiềm năng sáng tạo và khả năng thích ứng với cuộc sống, môi trường và nghề nghiệp tương lai.*

2.1.2. Tổ chức hoạt động trải nghiệm và hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp

Tổ chức HĐTN và HĐTN, HN là tổ chức cho HS được tham gia vào HĐTN theo các giai đoạn trong quy trình trải nghiệm: Trải nghiệm cụ thể, Quan sát phản ánh, Hình thành khái niệm và Thử nghiệm tích cực (Kolb, 2014). Từ đó, HS được hình thành và phát triển những phẩm chất, tình cảm, ý chí, tư tưởng, giá trị, kỹ năng sống và những năng lực cần thiết trong cuộc sống.

Căn cứ vào các khái niệm được đưa ra và nội dung HĐTN và HĐTN, HN trong Chương trình GDPT 2018, nghiên cứu xác định: *Tổ chức HĐTN và HĐTN, HN là quá trình nhà giáo dục thiết kế và tổ chức các hoạt động giáo dục cho HS mà khi tham gia, HS được trải nghiệm, khám phá, thể nghiệm, tương tác, tìm tòi, ... gắn với mạch nội dung nhất định của chủ đề, từ đó HS phát triển phẩm chất, năng lực đặc thù và năng lực chung đáp ứng yêu cầu của Chương trình GDPT mới.*

2.1.3. Năng lực tổ chức hoạt động trải nghiệm và hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp

Năng lực là những khả năng và kỹ xảo học được hoặc sẵn có của cá thể nhằm giải quyết các tình huống xác định, cũng như sự sẵn sàng về động cơ, xã hội và khả năng vận dụng các cách giải quyết vấn đề một cách có trách nhiệm và hiệu quả trong những tình huống linh hoạt (Weinert, 2001). Năng lực thể hiện như một hệ thống khả năng, sự thành thạo hoặc những kỹ năng thiết yếu có thể giúp con người đủ điều kiện vươn tới một mục đích cụ thể (Rychen & Salganik, 2002). Đặng Thành Hưng (2012) cho rằng năng lực là thuộc tính của cá nhân cho phép cá nhân thực hiện thành công hoạt động nhất định, đạt kết quả mong muốn trong những điều kiện cụ thể. Từ các nghiên cứu trước đây, Dương Thị Kim Oanh (2022) đã khái quát các khái niệm về năng lực theo những phạm trù sau: (1) Năng lực là khả năng thực hiện một loại nhiệm vụ hay công việc đạt kết quả tốt; (2) Năng lực là tổng hợp các thuộc tính tâm lý cá nhân; (3) Năng lực là sự kết hợp giữa kiến thức, kỹ năng và các thuộc tính cá nhân; (4) Năng lực là sự thực hiện một loại nhiệm vụ hay công việc đạt kết quả tốt.

Các quan điểm trên có thể khác nhau ở một số khía cạnh nhưng đều có chung một số đặc điểm: Năng lực bao gồm sự vận dụng các kiến thức, kỹ năng, thái độ hay các đặc tính cá nhân cần thiết để thực hiện công việc thành công

và hiệu quả trong bối cảnh thực tế. Trên cơ sở lí luận về “năng lực” trong phạm vi nghiên cứu, chúng tôi xác định *năng lực là sự vận dụng tổng hợp kiến thức, kĩ năng và thuộc tính cá nhân được hình thành, phát triển dựa trên các yếu tố sẵn có và thông qua quá trình học tập, rèn luyện, đồng thời giúp con người thực hiện thành công một nhiệm vụ hay hoạt động cụ thể nhằm đạt được kết quả mong muốn trong những điều kiện nhất định.*

HĐTN và HDTN, HN là hoạt động giáo dục được triển khai xuyên suốt các cấp học phổ thông theo yêu cầu của Chương trình GDPT 2018. Đây là hoạt động được thiết kế và tổ chức theo chủ đề giáo dục nhằm hình thành và phát triển những năng lực chung, năng lực đặc thù phù hợp với đặc điểm của HS qua quá trình tham gia các hoạt động, trải nghiệm, tương tác và thiết lập mối quan hệ xã hội, ... Do đó, GV cần có năng lực thiết kế và tổ chức HĐTN và HDTN, HN để đáp ứng các yêu cầu này. Trên cơ sở kế thừa khái niệm về “năng lực”, “HĐTN và HDTN, HN” cũng như tìm kiếm các tài liệu liên quan, chúng tôi đưa ra khái niệm: *Năng lực tổ chức HĐTN và HDTN, HN là sự vận dụng tổng hợp kiến thức, kĩ năng và thuộc tính cá nhân được hình thành, phát triển nhờ tố chất sẵn có và quá trình học tập, rèn luyện, cho phép GV thực hiện thành công các yêu cầu của việc thiết kế kế hoạch và tổ chức HĐTN và HDTN, HN cho HS phổ thông, nhằm thực hiện mục tiêu và yêu cầu cần đạt về phát triển phẩm chất và năng lực cho HS.*

2.2. Cơ sở đề xuất khung năng lực tổ chức hoạt động trải nghiệm và hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp của giáo viên phổ thông

2.2.1. Mục tiêu, yêu cầu cần đạt của hoạt động trải nghiệm và hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp

Trong Chương trình GDPT 2018, HĐTN và HDTN, HN là môn học có tính mở, tính linh hoạt cao, cơ sở giáo dục và GV chủ động lựa chọn nội dung, phương thức, không gian, thời gian hoạt động phù hợp với hoàn cảnh và điều kiện của mình trên nguyên tắc bảo đảm mục tiêu giáo dục và các yêu cầu cần đạt về phẩm chất, năng lực đối với mỗi lớp học, cấp học. Như vậy, từ bản chất của HĐTN và HDTN, HN đến tính chất của chương trình môn học đặt ra yêu cầu rất cao về năng lực của GV. GV có năng lực tổ chức HĐTN và HDTN, HN sẽ góp phần thực hiện thành công mục tiêu của Chương trình GDPT 2018 trong việc hình thành phẩm chất và năng lực cho HS.

Chương trình GDPT 2018 nêu rõ mục tiêu HĐTN và HDTN, HN nhằm hình thành, phát triển ở HS năng lực thích ứng với cuộc sống, năng lực thiết kế và tổ chức hoạt động, năng lực định hướng nghề nghiệp; đồng thời góp phần hình thành, phát triển các phẩm chất chủ yếu và năng lực chung quy định trong Chương trình tổng thể (Bộ GD-ĐT, 2018a). Đồng thời, giúp HS khám phá bản thân và thế giới xung quanh, phát triển đời sống tâm hồn phong phú, biết rung cảm trước cái đẹp của thiên nhiên và tình người, có quan niệm sống và ứng xử đúng đắn, đồng thời bồi dưỡng cho HS tình yêu đối với quê hương, đất nước, ý thức về cội nguồn và bản sắc của dân tộc để góp phần giữ gìn, phát triển các giá trị tốt đẹp của con người Việt Nam trong một thế giới hội nhập.

Những yêu cầu cần đạt của Chương trình HĐTN và HDTN, HN: (1) *Về phẩm chất*: HĐTN và HDTN, HN góp phần hình thành và phát triển cho HS những phẩm chất chủ yếu: Yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm; (2) *Về năng lực*: HĐTN và HDTN, HN giúp hình thành và phát triển ở HS các năng lực chung như tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo. Các năng lực này được biểu hiện qua các năng lực đặc thù: năng lực thích ứng với cuộc sống, năng lực thiết kế và tổ chức hoạt động, năng lực định hướng nghề nghiệp (Bộ GD-ĐT, 2018b).

2.2.2. Quy định Chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông

Quy định Chuẩn nghề nghiệp GV cơ sở GDPT đã chỉ rõ chuẩn nghề nghiệp GV với các tiêu chí về phát triển chuyên môn, nghiệp vụ tại Điều 5 (Bộ GD-ĐT, 2018c). Trong nghiên cứu này, chúng tôi chỉ xác định 4 tiêu chí làm cơ sở cho việc đề xuất khung năng lực tổ chức HĐTN và HDTN, HN, đó là: (1) Phát triển chuyên môn bản thân: Yêu cầu GV chủ động nghiên cứu, cập nhật kịp thời yêu cầu đổi mới về kiến thức chuyên môn, nghĩa là GV cần hiểu và nắm rõ nội dung chương trình HĐTN và HDTN, HN; (2) Xây dựng kế hoạch dạy học và giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực HS: Yêu cầu GV thiết kế, chủ động điều chỉnh phù hợp với điều kiện thực tế kế hoạch dạy học và giáo dục, nghĩa là GV cần biết thiết kế kế hoạch HĐTN và HDTN, HN; (3) Sử dụng phương pháp dạy học và giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực HS: Yêu cầu GV áp dụng, chủ động cập nhật, vận dụng các phương pháp dạy học và giáo dục, nghĩa là GV cần tổ chức HĐTN và HDTN, HN một cách linh hoạt, hiệu quả; (4) Kiểm tra, đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực HS: Yêu cầu GV sử dụng, chủ động cập nhật các hình thức, phương pháp, công cụ kiểm tra, đánh giá kết quả học tập và sự tiến bộ của HS, nghĩa là GV cần vận dụng sáng tạo các hình thức, phương pháp, công cụ kiểm tra, đánh giá kết quả tổ chức HĐTN và HDTN đảm bảo yêu cầu về phẩm chất và năng lực của HS.

Dựa vào những phân tích trên, chúng tôi đề xuất khung năng lực tổ chức HĐTN và HĐTN, HN gồm 4 nhóm năng lực chung: (1) *Năng lực hiểu Chương trình HĐTN và HĐTN, HN*; (2) *Năng lực thiết kế kế hoạch HĐTN và HĐTN, HN*; (3) *Năng lực tổ chức HĐTN và HĐTN, HN*; (4) *Năng lực kiểm tra, đánh giá kết quả tổ chức HĐTN và HĐTN, HN*.

2.3. Cấu trúc năng lực tổ chức hoạt động trải nghiệm và hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp của giáo viên phổ thông

Từ những quan niệm về năng lực tổ chức HĐTN và HĐTN, HN, vị trí, mục tiêu, yêu cầu cần đạt của Chương trình HĐTN và HĐTN, HN và các cơ sở xác định, chúng tôi đề xuất cấu trúc năng lực tổ chức HĐTN và HĐTN, HN của GV phổ thông với các nội dung và biểu hiện cụ thể được thể hiện trong bảng mô tả các năng lực mà GV phổ thông cần có để thực hiện nhiệm vụ và các hoạt động giáo dục nhằm đạt kết quả tốt nhất. Bảng này cung cấp chi tiết cho GV các yêu cầu cần đạt về năng lực và biểu hiện trong việc phát triển và thúc đẩy chất lượng tổ chức HĐTN và HĐTN, HN.

Bảng 1. Cấu trúc năng lực tổ chức HĐTN và HĐTN, HN của GV phổ thông

Năng lực chung	Năng lực thành phần	Biểu hiện
1. Hiểu Chương trình HĐTN và HĐTN, HN	1.1. Hiểu mục tiêu, nội dung Chương trình HĐTN và HĐTN, HN	1.1.1. Phân tích mục tiêu, yêu cầu cần đạt của Chương trình HĐTN và HĐTN, HN.
		1.1.2. Mô tả được mạch nội dung và nội dung hoạt động của Chương trình HĐTN và HĐTN, HN.
		1.1.3. Xác định, phân tích được mục tiêu, yêu cầu cần đạt về phẩm chất, năng lực theo từng mạch nội dung và nội dung hoạt động của HĐTN và HĐTN, HN.
	1.2. Hiểu cách thức tổ chức HĐTN và HĐTN, HN	1.2.1. Xác định được hình thức và loại hình HĐTN và HĐTN, HN phù hợp với HS.
1.2.2. Lựa chọn được các phương pháp tổ chức HĐTN và HĐTN, HN.		
2. Thiết kế kế hoạch tổ chức HĐTN và HĐTN, HN	2.1. Thiết kế kế hoạch giáo dục HĐTN và HĐTN, HN	2.1.1. Phân tích được nội dung phân phối chương trình theo từng chủ đề HĐTN và HĐTN, HN.
		2.1.2. Xác định tên chủ đề, thời gian, địa điểm, các thiết bị giáo dục, học liệu, đồ dùng tổ chức của từng chủ đề.
		2.1.3. Điều chỉnh nội dung giáo dục HĐTN và HĐTN, HN phù hợp với điều kiện thực tế.
	2.2. Thiết kế kế hoạch tổ chức HĐTN và HĐTN, HN theo chủ đề	2.2.1. Xác định yêu cầu cần đạt của chủ đề giáo dục HĐTN và HĐTN, HN.
		2.2.2. Xác định các nội dung chủ đề đầy đủ, đúng trọng tâm, phù hợp và khoa học.
		2.2.3. Thiết kế và điều chỉnh các hoạt động giáo dục HĐTN và HĐTN, HN phù hợp với yêu cầu cần đạt, nội dung giáo dục của chủ đề.
		2.2.4. Thiết lập phương án kiểm tra - đánh giá kết quả của chủ đề giáo dục.
3. Tổ chức HĐTN và HĐTN, HN	3.1. Tổ chức các phương thức HĐTN và HĐTN, HN	3.1.1. Tổ chức các nhiệm vụ trải nghiệm sinh động, hấp dẫn, khuyến khích HS tích cực tham gia.
		3.1.2. Theo dõi, giám sát và hỗ trợ kịp thời những khó khăn của HS.
		3.1.3. Điều chỉnh linh hoạt các HĐTN và HĐTN, HN phù hợp với thực tiễn giáo dục.
		3.1.4. Phân tích, đánh giá kết quả hoạt động giáo dục.
	3.2. Phối hợp với các lực lượng khác trong hoạt động giáo dục HĐTN và HĐTN, HN	Thảo luận và lấy ý kiến từ các lực lượng giáo dục khác (đồng nghiệp, nhà trường, phụ huynh HS,...).

	3.3. Sử dụng học liệu và phương tiện giáo dục để tổ chức HĐTN và HĐTN, HN	3.3.1. Sử dụng phương tiện giáo dục theo đúng kế hoạch và mang lại hiệu quả sư phạm. 3.3.2. Vận dụng linh hoạt học liệu số trong tổ chức HĐTN và HĐTN, HN.
4. Kiểm tra, đánh giá kết quả tổ chức HĐTN và HĐTN, HN	4.1. Triển khai các công cụ kiểm tra, đánh giá kết quả tổ chức HĐTN và HĐTN, HN	Sử dụng các công cụ kiểm tra, đánh giá đảm bảo tính giá trị và tin cậy để tổng hợp dữ liệu.
	4.2. Phân tích kết quả kiểm tra, đánh giá hoạt động tổ chức HĐTN và HĐTN, HN	Tổng hợp và phân tích các sản phẩm hoạt động đảm bảo yêu cầu về phẩm chất và năng lực của HS.
	4.3. Vận dụng kết quả kiểm tra, đánh giá hoạt động tổ chức HĐTN và HĐTN, HN	4.3.1. Sử dụng kết quả để đánh giá và định hướng HS tự rèn luyện, phấn đấu. 4.3.2. Tự nhận xét, tổng hợp kết quả giáo dục để điều chỉnh và cải tiến chất lượng HĐTN và HĐTN, HN.

Sau khi triển khai HĐTN và HĐTN, HN, hoạt động kiểm tra - đánh giá kết quả tổ chức cần được thực hiện thường xuyên, có thể trong và sau mỗi hoạt động của chủ đề giáo dục hoặc định kì vào giữa và cuối học kì (Bộ GD-ĐT, 2018b, 2020). Cùng với việc xác định cấu trúc năng lực tổ chức HĐTN và HĐTN, HN cho GV phổ thông, nhằm để GV tự đánh giá mức độ phát triển năng lực tổ chức HĐTN và HĐTN, HN của bản thân, chúng tôi vận dụng mô hình của Dreyfus và Dreyfus (1980) bao gồm 5 mức phát triển năng lực: (1) Người tập sự; (2) Người bắt đầu; (3) Người có năng lực; (4) Người thành thạo; (5) Chuyên gia. Từ đó, đề xuất bảng tự đánh giá năng lực gồm 5 mức độ: Yếu - Kém - Đạt - Khá - Tốt, tương ứng với 5 mức độ của Dreyfus và Dreyfus (1980). Việc đặt tên các mức độ này nhằm đảm bảo sự tương thích với quan điểm đánh giá của Bộ GD-ĐT (2020) hiện nay.

Bảng 2. Bảng tự đánh giá mức độ phát triển năng lực tổ chức HĐTN và HĐTN, HN của GV phổ thông

STT	Tiêu chí	Biểu hiện	Mức độ				
			1	2	3	4	5
1	Hiểu Chương trình HĐTN và HĐTN, HN	Phân tích mục tiêu, yêu cầu cần đạt của Chương trình HĐTN và HĐTN, HN.					
		Xác định, phân tích được mục tiêu, yêu cầu cần đạt theo mạch nội dung của HĐTN và HĐTN, HN.					
		Lựa chọn được các loại hình và phương pháp tổ chức HĐTN và HĐTN, HN phù hợp.					
2	Thiết kế kế hoạch tổ chức HĐTN và HĐTN, HN	Phân tích được nội dung, yêu cầu cần đạt theo từng chủ đề giáo dục HĐTN và HĐTN, HN.					
		Thiết kế và điều chỉnh nội dung giáo dục HĐTN và HĐTN, HN phù hợp với chủ đề và điều kiện thực tế.					
		Đề xuất phương án kiểm tra - đánh giá kết quả của chủ đề giáo dục.					
3	Tổ chức HĐTN và HĐTN, HN	Tổ chức và điều chỉnh linh hoạt các nhiệm vụ trải nghiệm.					
		Quan sát và hỗ trợ kịp thời những khó khăn của HS.					
		Phối hợp với các lực lượng giáo dục khác (đồng nghiệp, nhà trường, phụ huynh HS,...).					
4	Kiểm tra - đánh giá kết quả tổ chức HĐTN và HĐTN, HN	Sử dụng linh hoạt các học liệu số và phương tiện giáo dục trong tổ chức HĐTN và HĐTN, HN.					
		Triển khai các công cụ kiểm tra - đánh giá đảm bảo tính giá trị và tin cậy.					
		Tổng hợp và phân tích các sản phẩm hoạt động đảm bảo yêu cầu về phẩm chất và năng lực của HS.					
		Vận dụng kết quả kiểm tra - đánh giá để định hướng HS và cải tiến chất lượng HĐTN và HĐTN, HN.					

3. Kết luận

Với mục đích xây dựng, định hướng cho các hoạt động phát triển năng lực tổ chức HĐTN và HĐTN, HN cho GV phổ thông, bài báo đã đề xuất khung năng lực gồm 4 năng lực chính. Cùng với việc xác định cấu trúc năng lực tổ chức HĐTN và HĐTN, HN cho GV phổ thông, nhằm để GV tự đánh giá mức độ phát triển năng lực tổ chức HĐTN và HĐTN, HN của bản thân, chúng tôi đã đề xuất bảng tự đánh giá năng lực gồm 5 mức độ. Các đề xuất trong bài báo góp phần phát triển khả năng HĐTN và HĐTN, HN của GV nhằm đáp ứng các yêu cầu về năng lực mới khi triển khai Chương trình GDPT 2018. Điều này là rất cần thiết trong việc làm rõ những yêu cầu về năng lực tổ chức HĐTN và HĐTN, HN cho GV phổ thông ở các nhà trường. Đây cũng là cơ sở xác định nội dung bồi dưỡng và phát triển năng lực tổ chức HĐTN và HĐTN, HN cho GV nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ, chất lượng giáo dục đáp ứng yêu cầu đổi mới GDPT hiện nay cũng như các yêu cầu về năng lực mới khi triển khai Chương trình GDPT 2018.

Tài liệu tham khảo

- Âu Thanh Ngọc, Hoàng Thanh Thuý (2024). Thực trạng tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho học sinh ở một số trường trung học phổ thông tại thành phố Hà Nội. *Tạp chí Giáo dục*, 24(số đặc biệt 9), 248-254.
- Bộ GD-ĐT (2018a). *Chương trình giáo dục phổ thông - Chương trình tổng thể* (ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT).
- Bộ GD-ĐT (2018b). *Chương trình giáo dục phổ thông Hoạt động trải nghiệm và Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp* (Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT)
- Bộ GD-ĐT (2018c). *Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 ban hành quy định Chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông*.
- Bộ GD-ĐT (2020). *Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 ban hành Quy định đánh giá học sinh tiểu học*.
- Chapman, S., McPhee, P., & Proudman, B. (1992). What is experiential education?. *Journal of Experiential Education*, 15(2), 16-23.
- Đặng Thành Hưng (2012). Năng lực và giáo dục theo tiếp cận năng lực. *Tạp chí Quản lý Giáo dục*, 43, 18-26.
- Đinh Thị Kim Thoa (2014). *Xây dựng chương trình hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong chương trình giáo dục phổ thông mới*. Hội thảo quốc tế “Phát triển năng lực người học trong bối cảnh hiện nay”, Học viện Quản lý Giáo dục, 63-69.
- Dreyfus, S. E., & Dreyfus, H. L. (1980). *A five-stage model of the mental activities involved in directed skill acquisition*. Berkeley, CA: University of California. Operations Research Center.
- Dương Thị Kim Oanh (2022). *Dạy học phát triển năng lực cho sinh viên trong giáo dục đại học*. NXB Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.
- Hoàng Phi Hải (2021). *Tổ chức hoạt động trải nghiệm cho học sinh trung học cơ sở qua môn Giáo dục công dân*. Luận án tiến sĩ Khoa học Giáo dục, Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam.
- Kolb, D. A. (2014). *Experiential learning: Experience as the source of learning and development*. FT Press.
- Nguyễn Thị Liên (chủ biên, 2016), Nguyễn Thị Hằng, Trương Duy Hải, Đào Thị Ngọc Minh. *Tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong nhà trường phổ thông*. NXB Giáo dục Việt Nam.
- Rychen, D. S., & Salganik, L. H. (2002). *Definition and Selection of Competencies (DESECO): Theoretical and conceptual foundations*. Strategy paper, Neuchatel, Switzerland: Swiss Federal Statistical Office.
- Weinert, F. E. (2001). Concept of competence: A conceptual clarification. In D. S. Rychen & L. H. Salganik (Eds.), *Defining and selecting key competencies*, pp. 45-65, Hogrefe & Huber Publishers.